TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:423/2026/QĐST-VHNGĐ	*Đồng Nai, ngày 14 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1212/2026/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2026, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Phạm Nhựt T, sinh năm 1995;

Địa chỉ thường trú: Ấp S, xã B, thành phố Đ.

Số CCCD: 087095000XXX

2. Bà Trần Thị Huỳnh T1, sinh năm 1994;

Địa chỉ tạm trú: Tổ A, khu phố L, phường T, thành phố Đ.

Số CCCD: 087194007XXX

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Nhựt T và bà Trần Thị Huỳnh T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông T, bà T1 có 02 con chung tên Phạm Trần Quốc T2, sinh ngày 21/8/2016 và Phạm An N, sinh ngày 09/10/2020. Ly hôn, ông T, bà T1 thỏa thuận giao 01 con chung là cháu T2 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao 01 con chung là cháu N cho bà T1 trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông T, bà T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông T, bà T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông T, bà T1 tự nguyện nộp theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Nhựt T và bà Trần Thị Huỳnh T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Trần Quốc T2, sinh ngày 21/8/2016 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao Phạm An N, sinh ngày 09/10/2020 cho bà T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T, bà T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T, bà T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Ông T, bà T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003427 và 0003424 cùng ngày 27/8/2026 của Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Nai. Các đương sự đã nộp xong tiền lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai;
- Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Nai;
- Nơi đăng ký kết hôn (UBND xã Tân Bình, huyện Thanh Bình (nay là xã Tân Long), tỉnh Đồng Tháp, Giấy chứng nhận kết hôn số 093/2014, quyển số 01/2014, ngày 09/12/2014);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Huy Công